TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST Ngày: 05 - 5 - 2020 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.

2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGD ngày 25 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà xét xử sơ thẩm số 79/TB-TA ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp AK, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp AK, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Hà Văn P trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2004 anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đám cưới vợ chồng sống chung

hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên từ tháng 5/2009 vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay và hiện nay chị N cũng đã có chồng khác. Do đó, anh P yêu cầu được ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Yến Nh, sinh ngày 28/07/2005. Con hiện nay đang sống với chị N, khi ly hôn anh P đồng ý giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền ½ mức lương cơ sở, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần của chị N thì anh P không đồng ý vì anh P không có khả năng.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị N và anh P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Đến năm 2009 thì chị N và anh P xảy ra mâu thuẫn và sống xa nhau cho đến nay. Nay anh P yêu cầu ly hôn thì chị N cũng đồng ý theo như yêu cầu của anh P.

2. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung tên Hà Yến Nh, sinh ngày 28/07/2005. Con hiện nay đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con bằng ½ mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu anh P cấp dưỡng một lần.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng N, về con chung đồng ý giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Mộng N đã vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N đều thừa nhận anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ năm 2009 cho đến nay. Nay anh Phương và chị N đều thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc anh P và chị N sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng". Do đó, xử không công nhận anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N đều thống nhất quá trình sống chung anh chị có một con chung tên Hà Yến Nh, sinh ngày 28/07/2005. Từ khi anh P và chị N sống xa nhau còn chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh P và chị N thoả thuận thống nhất giao con chung cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nh cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Do đó, Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu Hà Yến Nh, sinh ngày 28/07/2005 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Mộng N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Hà Văn P không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Nguyễn Thị Mộng N.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P và chị N đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là ½ mức lương cơ sở nhưng anh P và chị N chưa thống nhất với nhau về phương thức cấp dưỡng nuôi con. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền ½ mức lương cơ sở cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi vì cấp dưỡng một lần anh P không có khả năng. Còn chị N thì yêu cầu anh P cấp dưỡng một lần.

Tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình quy định về phương thức cấp dưỡng như sau:

"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Như vậy, theo quy định trên thì phương thức cấp dưỡng sẽ do hai bên tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì do Tòa án giải quyết căn cứ vào điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của người phải cấp dưỡng. Tại phiên toà hôm

nay anh P trình bày anh P làm thuê thu nhập không ổn định nên không thể cấp dưỡng một lần. Do đó, Toà án chấp nhận yêu cầu của anh P về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng số tiền ½ mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Mộng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Hà Văn P và chị Nguyễn Thị Mộng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hà Yến Nh, sinh ngày 28/07/2005 cho chị Nguyễn Thị Mộng N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Mộng N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Hà Văn P không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Nguyễn Thị Mộng N.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hà Yến Nhi hàng tháng bằng số tiền ½ mức lương cơ sở. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Hà Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh P đã nộp theo biên lai số BH/2018/0009239 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Số tiền án phí anh P còn phải nộp tiếp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

6. Anh Hà Văn P được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Mộng N được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội